

Số...23.../2010/CV-PAN

V/v: Góp ý dự thảo quyết định về việc thực hiện thí điểm cơ chế chia sẻ trách nhiệm và các nguồn lợi trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2010

Kính gửi: Ban soạn thảo Quyết định thí điểm cơ chế chia sẻ trách nhiệm và các nguồn lợi trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng

Theo đề nghị của Ban soạn thảo, Trung tâm Con người và Thiên nhiên xin gửi một số ý kiến phân tích và đóng góp vào *Dự thảo Quyết định về việc thực hiện thí điểm cơ chế chia sẻ trách nhiệm và các nguồn lợi trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng* trên cơ sở những kinh nghiệm và bài học tích lũy được từ các dự án, nghiên cứu của chúng tôi.

Chúng tôi hy vọng, khi được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn, Quyết định này sẽ tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc thử nghiệm và xây dựng các chính sách thúc đẩy sự tham gia tích cực, hiệu quả của cộng đồng trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng thông qua các cơ chế chia sẻ trách nhiệm và nguồn lợi thiết thực, góp phần cải thiện sinh kế và giảm nghèo cho nhân dân vùng đệm ở các vườn quốc gia và khu bảo tồn ở Việt Nam.

Tài liệu gửi kèm theo công văn này bao gồm các phân tích, nhận xét, góp ý chi tiết của Trung tâm cho bản dự thảo Quyết định. Các góp ý này cũng sẽ được công bố rộng rãi trên trang tin điện tử của Trung tâm Con người và Thiên nhiên, chia sẻ cho cá nhân và tổ chức quan tâm. Mọi thông tin trao đổi và liên hệ xin vui lòng gửi về địa chỉ:

Trung tâm Con người và Thiên nhiên

Địa chỉ: Số 3, ngách 55, ngõ 61, Trần Duy Hưng, Hà Nội

Điện thoại: 04 3556-4001 Email: policy@nature.org.vn

Trân trọng cảm ơn Ban soạn thảo đã tạo điều kiện để chúng tôi tham gia vào quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách quan trọng này.

TRUNG TÂM CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT



GIÁM ĐỐC
Trình Lê Nguyễn



GÓP Ý CHO DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Về việc thực hiện thí điểm cơ chế chia sẻ trách nhiệm và các nguồn lợi trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng

1. Góp ý về các nội dung tổng quát của dự thảo quyết định

1.1 Đối tượng được chia sẻ lợi ích từ rừng đặc dụng

Liên quan đến các quy định về các bên tham gia cơ chế chia sẻ lợi ích (khoản 1, Điều 5) của dự thảo Nghị định, Trung tâm có một số bình luận như sau:

Ban quản lý rừng đặc dụng có nên được chia sẻ lợi ích thu được từ khai thác, thu hoạch tài nguyên rừng như các bên tham gia khác hay không? Về nguyên tắc, quy định pháp luật hiện hành về chức năng và nghĩa vụ của Ban quản lý Rừng đặc dụng (RĐD), hay Ban quản lý các khu bảo tồn, cho thấy chủ thể này đã được nhà nước giao trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng cùng với ngân sách hoạt động hàng năm. Một mặt, khi áp dụng cơ chế chia sẻ trách nhiệm và nguồn lợi như dự thảo đề xuất, rõ ràng gánh nặng trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng của các Ban quản lý đã được san sẻ bớt cho các chủ thể khác như hộ gia đình, cộng đồng. Mặt khác, nếu quy định cho phép các Ban quản lý được phép hưởng lợi, thì có thể đây sẽ là động cơ thúc đẩy họ cố gắng cấp càng nhiều giấy phép càng tốt để có thể nhận được nhiều lợi ích hơn. Khi đó việc giám sát và kiểm soát sẽ khó hơn vì mâu thuẫn lợi ích, tạo điều kiện có nhiều người được phép khai thác tài nguyên, làm cho tài nguyên nhanh chóng bị cạn kiệt. Chính vì vậy, đề nghị sửa đổi khoản 1, Điều 5 thành: “1. Các chủ thể sau đây được tham gia vào cơ chế chia sẻ lợi ích:..”

Đề nghị quy định rõ ràng cơ chế chia sẻ lợi ích cho từng nhóm đối tượng khác nhau trong cộng đồng sống trong và xung quanh RĐD. Một số nội dung quan trọng mà dự thảo Quyết định này cần phải làm sáng tỏ là cộng đồng dân cư sống trong RĐD hoặc vùng đệm có nhất thiết phải là *toàn bộ* các hộ gia đình, cá nhân sống ở đó; cơ chế chia sẻ này sẽ được áp dụng đối với một số (nhóm) đối tượng cụ thể, được xác định theo phương thức tự nguyện đăng ký, sau đó được lựa chọn tham gia; và mục tiêu cải thiện sinh kế và giảm nghèo có thực sự được lồng ghép trong những quyết định lựa chọn đó.

Thực tiễn cho thấy ngay bản thân trong một cộng đồng xung quanh RĐD luôn có sự khác biệt về mức độ phụ thuộc vào rừng giữa các hộ gia đình hay thôn/bản trên cùng địa bàn. Có những hộ có sinh kế phụ thuộc hoàn toàn vào rừng, nhất là những hộ nghèo và thiếu đất canh tác, nhưng cũng có những hộ chỉ phụ thuộc một phần hoặc không phụ thuộc. Do đó, nhu cầu được hưởng lợi tài nguyên từ rừng cũng khác nhau giữa các nhóm hộ. Để lồng ghép được với các mục tiêu cải thiện sinh kế và giảm nghèo, Trung tâm cho rằng *quy định các hộ nghèo trong cộng đồng phải được ưu tiên* tham gia, cấp phép thu hoạch và hưởng lợi. Với quy định này sẽ giúp cho Ban quản lý các RĐD và chính quyền cơ sở giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về quyền lợi trong cùng cộng đồng dân cư khi tham gia các mô hình thí điểm.

1.2 Các tài nguyên rừng có thể chia sẻ được

Dự thảo Quyết định xác định có hai loại nguồn lợi từ RĐD có thể chia sẻ là tài nguyên dưới dạng hiện vật và phi hiện vật. Với *những tài nguyên dưới dạng hiện vật* như củi khô, gỗ, các loại cây, thực vật dùng làm nguyên liệu sản xuất thủ công mỹ nghệ, các loại thực vật có thể dùng làm dược liệu... là những dạng tài nguyên nếu cho phép khai thác sẽ bị mất đi, hoặc tốc độ tái sinh không kịp cho người dân khai thác, thu hoạch (ở mức để đáp ứng các nhu cầu sinh sống cơ bản). Trên thực tế, Ban quản lý các RĐD cũng khó có thể kiểm soát được chủng loại và sản lượng tài nguyên mà người dân khai thác, kể cả khi họ được cấp phép; ngoại trừ phương án để các nhóm cộng đồng tham gia tự kiểm soát và giám sát lẫn nhau. Khi đó, các quy định về khu vực, vùng rừng giao cho các nhóm cộng đồng quản lý và hưởng lợi cần được xác định cụ thể trên cả hồ sơ và thực địa thông qua các hình thức giao khoán, thuê khoán cần được đưa vào trong dự thảo quyết định này.

Đối với những *tài nguyên phi hiện vật*, được thể hiện dưới dạng các dịch vụ môi trường rừng, chứng chỉ các-bon hay du lịch sinh thái ở trong dự thảo quyết định này được xem là có ưu thế hơn dạng tài nguyên hiện vật vì người dân sẽ được hưởng lợi khi các tài nguyên dịch vụ đó được họ tham gia duy trì và bảo vệ. Tuy nhiên, trong dự thảo Quyết định lại chưa đề cập nhiều, chưa có những quy định cụ thể về tham gia quản lý và chia sẻ các nguồn lợi từ những tài nguyên phi hiện vật nói trên.

1.3 Xác định rõ ràng định mức được phép khai thác, thu hoạch

Mức khai thác mà vẫn đảm bảo được khả năng tái tạo, phục hồi bền vững của nguồn tài nguyên chưa được quy định cụ thể trong dự thảo quyết định. Điểm d, khoản 2, điều 13 – *Thủ tục cấp và thu hồi giấy phép khai thác nguồn tài nguyên chia sẻ được*, quy định sẽ thu hồi giấy phép khai thác trong trường hợp “Người được cấp giấy phép khai thác, thu hoạch nguồn tài nguyên chia sẻ được vượt quá 10% định mức cho phép được xác định trong thỏa thuận”. Tuy nhiên, dự thảo chưa có quy định về cách xác định định mức cho phép trong thỏa thuận sẽ được Ban quản lý RĐD (cơ quan cấp phép) thực hiện bằng cách nào. Đối với những loài cụ thể thì quy định mức khai thác vượt quá 10% này có dẫn đến nguy cơ làm cho loài đó không thể tái tạo và tự (tiếp tục) phục hồi quần thể được hay không. Những bản khoản này cho thấy rằng thông số 10% mà dự thảo quy định cần phải có cơ sở lý giải. Ngoài ra, một vấn đề khác cần quan tâm là nếu người được cấp giấy phép vẫn khai thác vượt định mức (nhiều lần) nhưng không vượt quá 10% (mỗi lần) thì có bị áp mức xử phạt hay không, và mức xử phạt có nhất quán với quy định hiện hành về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng và quản lý lâm sản hiện hành hay không.

1.4 Cơ chế chia sẻ lợi ích từ tài nguyên rừng

Các nguyên tắc cần tuân thủ trong việc chia sẻ lợi ích từ rừng đặc dụng.

Cơ chế chia sẻ lợi ích từ RĐD được hiểu một cách khái quát là việc coi tài nguyên rừng là một nguồn lợi, hàng hóa và tất nhiên khi sử dụng kể cả trực tiếp hay gián tiếp đều vẫn phải duy trì tài nguyên rừng ổn định, sự cân bằng sinh thái và các dịch vụ mà chúng mang lại. Do vậy, dự thảo Quyết định này cần phải bổ sung, nêu được nguyên tắc đầu tiên và cốt lõi (bên cạnh các nguyên tắc khác) khi thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích là “*phải đảm bảo gìn giữ, bảo vệ tính bền vững và cân bằng của hệ sinh thái rừng đặc dụng*”.

Bên cạnh đó, một số nguyên tắc được dự thảo đưa ra chưa thực sự rõ nghĩa và còn mơ hồ. Đề nghị Ban soạn thảo làm rõ khái niệm “thỏa mãn nhu cầu cơ bản” trong nguyên tắc thứ 1: “...thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của các cộng đồng thiểu số bản địa mà sinh kế phụ thuộc vào tài nguyên rừng” (khoản 1, Điều 4), trong đó phải xác định rõ nhu cầu cơ bản của cộng đồng là gì (lương thực, thực phẩm,...). Thực tế, chỉ có một số loại tài nguyên trong RĐĐ được người dân khai thác để phục vụ đời sống hàng ngày như măng, rau rừng, cây thuốc,...; còn phần nhiều lâm sản khác bị khai thác và trao đổi thương mại, bán lấy tiền để trang trải các chi phí cuộc sống thường ngày. Rõ ràng, phạm trù của nguyên tắc này là rất khó xác định và tuân thủ.

Đối với nguyên tắc thứ 2, bên cạnh việc công khai, minh bạch và có sự tham gia của các cá nhân, cộng đồng có liên quan vào việc quyết định hình thức và tỷ lệ chia sẻ lợi ích cần chú ý đến tầm quan trọng của việc công khai, minh bạch những quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan. Đồng thời cũng đề nghị Ban soạn thảo điều chỉnh để làm rõ các nguyên tắc thứ 3, 4, 5 cần được cụ thể hơn.

Ban đại diện

Nội dung *Ban đại diện* được quy định tại khoản 9, Điều 3 và Điều 11 của dự thảo quyết định, và một số vấn đề dưới đây cần được quan tâm làm rõ:

Về vai trò pháp lý của Ban đại diện. Theo dự thảo, Ban đại diện bao gồm một số thành viên của cộng đồng sống xung quanh RĐĐ và vùng đệm, được cộng đồng tin tưởng bầu ra. Tuy nhiên, dự thảo không có quy định nào đề cập đến vai trò pháp lý của Ban đại diện, bao gồm cơ quan có thẩm quyền xác nhận sự hình thành, quyền hạn và chức năng, cũng như các luật pháp liên quan hiện hành có thể điều chỉnh sự tồn tại và hoạt động của Ban đại diện này (với tư cách là đại diện nhóm cộng đồng có lợi ích liên quan).

Về quy mô của Ban đại diện, dự thảo quy định “...Ban đại diện gồm có từ 7-15 thành viên tùy thuộc vào số lượng người sống trong rừng đặc dụng, vùng đệm” (khoản 1, Điều 11 – Ban đại diện). Quy định này có thể được hiểu là mỗi khu RĐĐ sẽ chỉ có 01 ban đại diện cho cộng đồng của toàn khu vực vùng đệm có tham gia chia sẻ lợi ích. Quy định không nói rõ với quy mô thành viên như vậy thì có thể đại diện cho bao nhiêu hộ gia đình tham gia. Trên thực tế, nhiều khu RĐĐ, nhất là các khu liên tỉnh, có nhiều xã vùng đệm bao quanh với hàng chục ngàn dân sinh cư, thuộc nhiều dân tộc khác nhau. Vì vậy, nếu chỉ có 01 Ban đại diện không quá 15 thành viên thì có thể sẽ không đảm nhiệm được vai trò đại diện và cầu nối cho nhiều hộ gia đình hưởng lợi ở các địa bàn khác nhau. Trung tâm cho rằng, việc thành lập Ban đại diện nên theo địa bàn dân cư ở quy mô thôn/bản hoặc xã gắn liền với các khu vực RĐĐ mà người dân tham gia quản lý và hưởng lợi. Mỗi xã nên có ít nhất 01 Ban đại diện cấp xã hoặc các Ban đại diện cấp thôn.

Phương thức chia sẻ lợi ích

Thứ nhất, đề nghị Ban soạn thảo cụ thể hóa quy trình thực hiện với các bước chính để các địa phương không gặp khó khăn khi triển khai thí điểm theo hướng dẫn của dự thảo này.

Thứ hai, đề nghị Ban soạn thảo chú ý hơn đến tính khả thi của việc điều tra, thống kê tài nguyên rừng có thể chia sẻ trong khu vực, vì đây sẽ là cơ sở xây dựng các kế hoạch khai thác và chia sẻ lợi ích. Hoạt động này nhất thiết phải được thực hiện bởi một cơ quan chuyên môn độc lập trên cơ sở có phối hợp với Ban quản lý RĐĐ và cộng đồng địa phương nhằm đảm bảo kết quả điều tra, kiểm kê khách quan, khoa học và tin cậy.

Thứ ba, đề nghị Ban soạn thảo xem xét lại phương thức cấp phép tham gia chia sẻ lợi ích. Theo dự thảo quy định, Ban đại diện sẽ giữ vai trò đàm phán, ký kết Thỏa thuận chia sẻ lợi ích giữa các bên, nhưng việc cấp giấy phép khai thác lại cấp cho hộ gia đình và cá nhân, do đó có thể xảy ra tình trạng mâu thuẫn do phân bổ nguồn lợi không đồng đều giữa các hộ dân và giữa các địa bàn khác nhau trong cùng một khu RĐĐ. Trung tâm đề xuất cấp giấy phép cho Ban đại diện để họ trực tiếp thảo thuận, điều phối với các hộ gia đình và chia sẻ lợi ích dưới sự tham gia giám sát và xác nhận của chính quyền địa phương.

1.5 Địa điểm và phạm vi thí điểm

Theo quy định, có 5 địa điểm được áp dụng thí điểm cơ chế này: 1) VQG Bạch Mã thuộc 2 tỉnh Thừa Thiên Huế - Quảng Nam; 2) VQG Núi Chúa thuộc tỉnh Ninh Thuận; 3) VQG Lò Gò Xa Mát thuộc tỉnh Tây Ninh; 4) Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Căng Chải thuộc tỉnh Yên Bái; 5) Khu BTTN Xuân Liên thuộc tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên, việc lựa chọn này không phản ánh rõ lý do/cơ sở chọn 5 địa điểm này. Vì thế, để đảm bảo tính đại diện về mặt địa lý và các loại hình rừng đặc dụng, dự thảo cần lựa chọn mỗi vùng sinh thái của Việt Nam một khu RĐĐ để thực hiện thí điểm. Bên cạnh đó, dự thảo quy định cũng chưa đề cập đến bao nhiêu xã/thôn trong vùng đệm của RĐĐ sẽ được lựa chọn để triển khai thí điểm cơ chế này.

1.6 Giám sát thực hiện thỏa thuận

Vai trò tham gia giám sát của cộng đồng địa phương. Theo quy định tại khoản 1, Điều 16, việc giám sát thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích được thực hiện bởi một tổ giám sát gồm: 1) Đại diện lãnh đạo Ban quản lý RĐĐ; 2) Kiểm lâm địa bàn; 3) Thành viên của Ban đại diện; 4) Đại diện của Chính quyền cơ sở. Nhưng trong thực tế, việc tổ chức thu hoạch, khai thác phụ thuộc nhiều vào tính tự giác của hộ gia đình và cộng đồng, chẳng hạn quy định thu hoạch măng tre cần để lại bao nhiêu chồi mầm trong một bụi để đảm bảo sự phát triển... Điều này dẫn đến hệ lụy Tổ giám sát khó kiểm soát do không thể bám sát hiện trường. Trong hoàn cảnh này, vai trò tự giám sát và giám sát lẫn nhau trong cộng đồng được hưởng lợi là thực sự quan trọng nhưng lại chưa được nhấn mạnh trong dự thảo quyết định.

Bên cạnh đó, trong thực tế, vai trò của các hương ước, quy ước truyền thống và tập tục của cộng đồng trong việc quản lý, bảo vệ và chia sẻ lợi ích từ rừng cũng có vai trò điều chỉnh các quan hệ xã hội, mẫu thuẫn phát sinh trong lĩnh vực lâm nghiệp của cộng đồng dân cư, và hỗ trợ pháp luật, “lấp đầy các khoảng trống của pháp luật” về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là không thể phủ nhận. Chính vì vậy, đề nghị Ban soạn thảo chú ý đến tầm quan trọng của các hương ước, quy ước truyền thống này cũng như sự tham gia của cộng đồng để đem lại hiệu quả tốt hơn khi thực thi quyết định này.

1.7 Nhận xét chung về tính khả thi của quyết định

Rõ ràng, quyết định này là một cơ hội khi tạo ra cơ chế tiếp cận và hưởng lợi trực tiếp cho cộng đồng địa phương xung quanh các khu RĐĐ, đồng thời cũng mang đến cho họ quyền tham gia vào các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, góp phần cải thiện sinh kế và giảm nghèo. Tuy nhiên, cần phải lường trước những rủi ro có thể xảy ra khi áp dụng thí điểm cơ chế này, trong đó nguy cơ mất rừng do không kiểm soát được hoạt động khai thác tài nguyên của cộng đồng. Ngoài ra, thực tiễn quản lý và bảo vệ RĐĐ ở Việt Nam hiện nay có thể làm giảm tính khả thi của áp dụng cơ chế này do những lý do như sau:

- Thiếu số liệu điều tra cơ bản, cập nhật về danh mục cũng như số lượng, trữ lượng chính xác tài nguyên và tài nguyên có thể khai thác được trong các khu RĐĐ;
- Lực lượng và năng lực giám sát của Ban quản lý RĐĐ và kiểm lâm còn nhiều hạn chế;
- Giới hạn và phạm vi khai thác các loài có thể khai thác được khó có thể xác định được rõ ràng do thiếu thông tin về sinh học, sinh thái và mức độ tăng trưởng của các loài cụ thể;
- Nhận thức của người dân về công tác bảo tồn còn hạn chế, tính tự giác và ý thức tổ chức chưa cao khi thực hiện các Thỏa thuận. Họ có thể lợi dụng giấy phép để khai thác ồ ạt hoặc vượt quá khả năng kiểm soát của Ban quản lý RĐĐ và chính quyền cơ sở. Hoặc bản thân cộng đồng có thể bị các đối tượng đầu nậu lợi dụng, sử dụng họ làm công cụ để chiếm hữu tài nguyên trong RĐĐ;

Những rào cản ở trên sẽ gây khó khăn cho việc thực hiện hiệu quả của quyết định này. Nếu không được xây dựng cụ thể, chặt chẽ và tuân thủ nghiêm ngặt, quyết định này có thể trở thành một sắc lệnh “mở cửa rừng” mới. Chính vì vậy, Trung tâm đề xuất Ban soạn thảo xem xét, cân nhắc các khuyến nghị sau:

1. Nên chừa việc chia sẻ lợi ích chỉ nên áp dụng đối với các tài nguyên dưới dạng phi hiện vật như: các dịch vụ môi trường, chứng chỉ các-bon và du lịch sinh thái để giảm những rủi ro không đáng có của việc khai thác do không thể kiểm soát được; và
2. Để giải quyết được những sức ép lên tài nguyên RĐĐ do sinh kế của cộng đồng địa phương, Nhà nước có thể phải tính đến phương án dành ngân sách công để đầu tư kinh phí, biến việc “quản lý, bảo vệ rừng” trở thành một nghề có thu nhập trong xã hội cho người dân, thay vì chỉ áp dụng các cơ chế hỗ trợ và giao khoán bảo vệ như hiện nay. Cần phải xem việc cộng đồng quản lý, bảo vệ rừng cũng là một dịch vụ công ích và cần được Ngân sách chi trả một cách công bằng, hợp lý – đảm bảo các cộng đồng sống trong và xung quanh RĐĐ có thể sống bằng sinh kế giữ rừng!

2. Góp ý về các nội dung chi tiết của dự thảo quyết định

Đối với từng điều khoản cụ thể, Trung tâm có một số ý kiến đóng góp như sau:

2.1. Điều 3 – Giải thích từ ngữ

Đề nghị sửa đổi và bổ sung khoản 1, Điều 3 thành “Các nguồn tài nguyên có thể chia sẻ là các loài của rừng đặc dụng mà việc khai thác không làm mất đi mục tiêu của rừng đặc dụng, không ảnh hưởng đến môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững của địa phương và đất nước...”

Đề nghị Ban soạn thảo xem xét sửa đổi khoản 3, Điều 3 thành “từ “*Khai thác bền vững* là những hoạt động khai thác không ảnh hưởng đến độ che phủ của rừng, không làm thay đổi cấp độ hiện trạng bảo tồn của những loài động vật, thực vật...”

Việc phân biệt hai khái niệm *khai thác thương mại* và *khai thác vì mục đích sinh kế* thật sự không cần thiết bởi lẽ khai thác thương mại trong nhiều trường hợp cũng chỉ để đảm bảo sinh kế của người dân. Cũng như việc giải thích khái niệm “*Phương thức khai thác truyền thống*” cũng chưa rõ ràng nên đề nghị Ban soạn thảo xem xét điều chỉnh.

2.2. Điều 7- Các tài nguyên có thể chia sẻ

Tại khoản 1 điều 7, các tài nguyên chia sẻ được dưới dạng hiện vật có nêu hai loại là tài nguyên thực vật và tài nguyên động vật.

Đối với các tài nguyên thực vật, thứ nhất, cũng giống động vật, thực vật cũng có những loại quý hiếm, nhưng trong quyết định lại không có điều khoản này quy định cấm khai thác các loài thực vật quý hiếm trong Sách đỏ Việt Nam và theo Nghị định 32/2006-NĐ-CP. Thứ hai, các loài thực vật ngoài tác dụng làm nguyên liệu sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ; làm dược liệu còn có những tác dụng khác như: làm rau (măng, rau rừng), làm lá gói, lá ủ men rượu... đều là những nhu cầu thiết yếu và truyền thống của dân địa phương. Do đó, đề nghị gọi chung là “các loài thực vật phi gỗ không bị đe dọa”, không phân biệt mục đích sử dụng. Thứ ba, ngay đối với những cây thân gỗ vẫn có thể cho những lâm sản ngoài gỗ như lấy quả ăn, quả làm thuốc hay thu hạt làm giống, không chặt cây. Đối với một số nơi đây cũng là một nguồn lợi đáng kể đối với người dân. Đề nghị Ban soạn thảo xem xét bổ sung điều khoản này.

Đối với các tài nguyên động vật. Mặc dù quy định có giới hạn các tài nguyên động vật được khai thác là các loài không thuộc trong Sách đỏ của Việt Nam. Nhưng việc giám sát sẽ rất khó khăn bởi trong thực tế, việc săn bắt động vật là không thể giới hạn và rất khó kiểm soát – đặc biệt với các đối tượng thợ săn chuyên nghiệp. Hơn nữa việc săn bắt các loài thú rừng không phải là nguồn lợi thiết yếu đối với sinh kế người dân địa phương mà chủ yếu chỉ là để buôn bán phục vụ nhu cầu đặc sản. Với thực tế giá cả các mặt hàng động vật hoang dã rất cao như hiện nay, việc biện giải cho phép săn bắt phục vụ nhu cầu dinh dưỡng của nhân dân là hoàn toàn bất hợp lý! Chính vì vậy, đề xuất bỏ điểm d, khoản 1, điều 7 trong dự thảo quyết định này, cũng như những nội dung liên quan đến việc cho phép săn bắt động vật hoang dã trong RĐĐ.

2.3. Điều 6 – Chia sẻ lợi ích.

Đề nghị làm rõ khoản 2, điều 6: “*Việc chia sẻ lợi ích phải phù hợp với các quy định của Quyết định này không gắn với việc cấp phép thu hoạch, khai thác các nguồn tài nguyên chia sẻ được*” vì cách diễn giải khó hiểu.

2.4. Điều 8 – Thỏa thuận chia sẻ lợi ích.

Đề nghị sửa đổi khoản 1, Điều 8 thành “*Thỏa thuận có sự chứng kiến và xác nhận của UBND huyện hoặc các huyện nơi có rừng đặc dụng*”.

Đề nghị bỏ khoản 3, điều 8 và các điều khoản khác liên quan đến tài nguyên động vật.

2.5. Điều 9 – Quyền và nghĩa vụ của Ban quản lý tham gia Thỏa thuận. Đề nghị bổ sung điều khoản: *Xây dựng các kế hoạch cụ thể trước khi triển khai các Thỏa thuận*

2.6. Điều 10 – Quyền và Nghĩa vụ cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng tham gia Thỏa thuận. Đề nghị bổ sung điểm (d), khoản 1: “Được đào tạo và bồi dưỡng các kiến thức về bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học cũng như các kiến thức kỹ thuật quản lý và khai thác rừng bền vững”

2.7. Điều 21 – Kinh phí thực hiện thí điểm cơ chế.

Vì cơ chế này mới bắt đầu được thực hiện thí điểm, nên chưa thể có kinh phí từ nguồn tài nguyên khai thác được hoặc từ sự đóng góp của các bên tham gia Thỏa thuận nên đề nghị sửa đổi khoản 1 từ “Việc áp dụng cơ chế chia sẻ lợi ích sẽ được thực hiện một phần bởi kinh phí của Ngân sách, một phần từ nguồn tài nguyên khai thác được hoặc từ sự đóng góp của các bên tham gia Thỏa thuận” thành “Việc áp dụng cơ chế chia sẻ lợi ích sẽ được thực hiện một phần bởi kinh phí của Ngân sách và các dự án tài trợ khác”.

####